

Số: /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO

Đánh giá 10 năm thực hiện Luật người khuyết tật giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn huyện

Căn cứ Văn bản số 963/SLĐTBXH-BTXH, ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Điện Biên về việc báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Luật người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

UBND huyện Tuần Giáo báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Luật người khuyết tật trên địa bàn với nội dung cụ thể như sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI LUẬT NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1. Công tác ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thi hành Luật người khuyết tật của địa phương

Từ năm 2011 đến nay, để triển khai Luật người khuyết tật, UBND huyện đã chỉ đạo và ban hành các văn bản triển khai thực hiện cụ thể:

Công văn số 170/CV-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện về Đẩy nhanh tiến độ xác định mức độ khuyết tật và thực hiện chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn; Công văn số 600/CV-UBND ngày 19/8/2014 của UBND huyện về Thực hiện chính sách đối với người khuyết tật trên địa bàn huyện Tuần Giáo

Chỉ đạo Phòng Lao động TB&XH huyện ban hành các văn bản triển khai thực hiện tới các xã, thị trấn:

Công văn số 115/CV-PLĐTB&XH ngày 23/9/2013 của Phòng Lao động - Thương binh và xã hội về triển khai thực hiện xác định mức độ khuyết tật, đẩy nhanh tiến độ xác định mức độ khuyết tật và thực hiện chính sách đối với người khuyết tật trên địa bàn; Công văn số 80/CV-PLĐTB&XH ngày 18/6/2014 về Thực hiện Nghị định 136/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ; Công văn số 08/CV-PLĐTB&XH ngày 22/1/2015 về Thực hiện chính sách xã hội trên địa bàn; Công văn số 54/CV-PLĐTB&XH ngày 13/3/2019 về Triển khai thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 02/01/2019 về việc xác định mức độ khuyết tật do hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.

Việc ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện thực hiện Luật người khuyết tật và thực hiện chính sách xã hội đối với người khuyết tật trên địa bàn luôn đảm bảo theo quy định. Khi có thay thế, sửa đổi, bổ sung, UBND huyện chỉ đạo thực hiện chính sách người khuyết tật kịp thời, đúng quy định đến các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn.

2. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Người khuyết tật

UBND huyện giao Phòng Lao động - TB&XH phối hợp với Phòng Văn hóa - TT, Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách trợ giúp xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống các đài truyền thanh cơ sở và lồng ghép vào các chương trình hoạt động, mục tiêu quốc gia và các đoàn thể nhân dân (Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội CCB, Đoàn thanh niên)...đảm bảo chính sách trợ giúp xã hội được triển khai rộng rãi trên địa bàn huyện nhằm chuyển biến đồng bộ về nhận thức của các cấp, các ngành, của toàn xã hội và chính bản thân người khuyết tật trong việc thực hiện các hoạt động trợ giúp người khuyết tật.

Tổ chức rà soát, kiểm tra định kỳ và đột xuất để đảm bảo mọi người khuyết tật đều được hưởng chính sách trợ giúp như nhau, kịp thời và đúng quy định.

Đánh giá chung về công tác tuyên truyền

** Ưu điểm:*

Hàng năm công tác an sinh xã hội đều được chú trọng, đảm bảo trong đó công tác trợ giúp người khuyết tật, từ đó góp phần giúp người khuyết tật hiểu và tiếp cận và sử dụng thuận lợi có hiệu quả các phương tiện, phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cho người khuyết tật vươn lên hòa nhập với cộng đồng. Cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật; từng bước tạo điều kiện cho người khuyết tật tham gia bình đẳng vào các hoạt động của xã hội; xây dựng môi trường xã hội ngày càng chăm lo tốt hơn quyền lợi của người khuyết tật.

** Tồn tại, hạn chế:*

Địa bàn rộng, đi lại khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tuyên truyền. Do điều kiện khó khăn về kinh phí công tác tuyên truyền, phổ biến chủ yếu lồng ghép từ các chương trình khác.

3. Tình hình xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, dự án, đề án, chương trình trợ giúp người khuyết tật

Để triển khai thực hiện hiệu quả Đề án 1019 và Kế hoạch 2266/KH-UBND ngày 26/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên triển khai Đề án trợ giúp người khuyết tật tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2013 - 2020. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 671/KH-UBND, ngày 11/9/2014 về việc triển khai Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2013 - 2020 phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và UBND các xã, thị trấn.

Do đời sống vật chất, tinh thần của người khuyết tật còn nhiều khó khăn. 80% người khuyết tật ở nông thôn và thành thị sống dựa vào gia đình, người thân và trợ cấp xã hội là chủ yếu.

Trình độ học vấn chung của người khuyết tật thấp hơn so với lực lượng lao động xã hội, từ đó khó khăn trong học nghề ảnh hưởng đến khả năng tham gia thị trường lao động với nhiều nghề mà người khuyết tật có thể làm việc như: điện, điện tử, công nghệ thông tin...

Những khó khăn trên cản trở người khuyết tật tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục, học nghề, tìm kiếm việc làm, tham gia giao thông, dẫn đến khó khăn trong cuộc sống và hoà nhập với cộng đồng.

Bên cạnh đó việc huy động nguồn lực từ cộng đồng để thực hiện các hoạt động trợ giúp người khuyết tật còn hạn chế nên vẫn còn một bộ phận người khuyết tật gặp khó khăn, người khuyết tật thất học, không có nghề nghiệp, không có việc làm và không có nguồn thu nhập để bảo đảm cuộc sống, gia đình có người khuyết tật chưa thực sự chăm sóc tốt cho họ, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự trợ giúp của nhà nước và xã hội. Bản thân người khuyết tật chưa nỗ lực vươn lên vượt qua khó khăn, mặc cảm để hoà nhập cộng đồng.

II. KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN LUẬT NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1. Xác nhận khuyết tật

1.1 triển khai thực hiện xác nhận khuyết tật

a) Tình hình thành lập Hội đồng xác nhận khuyết tật cấp xã, thị trấn

Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã được thành lập theo quy định tại điều 16 của Luật người khuyết tật, 19/19 xã, thị trấn đã thành lập Hội đồng xác nhận khuyết tật khi có thay đổi nhân sự Hội đồng đã kiện toàn lại, bổ sung kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho Hội đồng xác nhận khuyết tật hoạt động có hiệu quả.

b) Hoạt động của hội đồng xác nhận khuyết tật cấp xã, thị trấn

Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm tổ chức và chủ trì các hoạt động của Hội đồng.

Công chức cấp xã phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội có trách nhiệm:

+ Hướng dẫn và kiểm tra người khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của người khuyết tật hoàn thiện hồ sơ xác định mức độ khuyết tật;

+ Tham khảo ý kiến của cơ sở giáo dục về thông tin của người được xác định mức độ khuyết tật nếu người đó đang đi học, bao gồm những khó khăn trong học tập, sinh hoạt, giao tiếp và kiến nghị về dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật; mời đại diện cơ sở giáo dục trên địa bàn cấp xã (nơi đối tượng học tập) dự họp xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng (nếu cần thiết);

+ Điền Phiếu xác định mức độ khuyết tật trên cơ sở kết luận của Hội đồng;

+ Ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng;

+ Xây dựng các văn bản, hoàn chỉnh, lưu giữ hồ sơ, văn bản của Hội đồng;

+ Thực hiện nhiệm vụ khác do của Chủ tịch Hội đồng phân công.

Trạm trưởng trạm y tế cấp xã có trách nhiệm:

+ Cung cấp thông tin về chuyên môn y tế liên quan đến người khuyết tật cho Hội đồng;

+Thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm tham gia xác định mức độ khuyết tật; tham dự các cuộc họp của Hội đồng và thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

c) Phương pháp xác định khuyết tật

Phương pháp xác định mức độ khuyết tật thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Người khuyết tật. Được thực hiện bằng phương pháp quan sát trực tiếp người khuyết tật, thông qua thực hiện hoạt động đơn giản phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày, sử dụng bộ câu hỏi theo các tiêu chí về y tế, xã hội và các phương pháp đơn giản khác để kết luận mức độ khuyết tật đối với từng người khuyết tật.

Xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật đối với trẻ em dưới 6 tuổi Hội đồng căn cứ hồ sơ đề nghị xác định mức độ khuyết tật, sử dụng phương pháp xác định mức độ khuyết tật. Phỏng vấn người đại diện hợp pháp của trẻ em và sử dụng “Phiếu xác định mức độ khuyết tật đối với trẻ em dưới 6 tuổi”.

Đối với người khuyết tật trên 6 tuổi, phỏng vấn người được xác định mức độ khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của người khuyết tật và sử dụng “Phiếu xác định mức độ khuyết tật đối với người từ đủ 6 tuổi trở lên”.

d) Thủ tục xác định khuyết tật

Khi có nhu cầu xác định mức độ khuyết tật thì người đề nghị hoặc người đại diện hợp pháp của người khuyết tật làm hồ sơ theo quy gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người đề nghị, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm:

+ Gửi văn bản tham khảo ý kiến cơ sở giáo dục về tình trạng khó khăn trong học tập, sinh hoạt, giao tiếp và kiến nghị về dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật của người được xác định mức độ khuyết tật đang đi học.

+ Triệu tập các thành viên, gửi thông báo về thời gian và địa điểm xác định mức độ khuyết tật cho người khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

Tổ chức đánh giá dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật đối với người khuyết tật, lập hồ sơ, biên bản kết luận dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản kết luận của Hội đồng về dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết, thông báo công khai kết luận của Hội đồng tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp Giấy xác nhận khuyết tật. Trường hợp có khiếu nại, tố cáo hoặc không đồng ý với kết luận của Hội đồng thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, Hội đồng tiến hành xác minh, thẩm tra, kết luận cụ thể và trả lời bằng văn bản cho người khiếu nại, tố cáo.

Đối với trường hợp do Hội đồng giám định y khoa xác định, kết luận về dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi

nhận được kết luận của Hội đồng Giám định y khoa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy xác nhận khuyết tật.

1.2 Triển khai xác nhận khuyết tật

- Tình hình xác nhận lại khuyết tật: khi có nhu cầu xác định lại mức độ khuyết tật thì người đề nghị hoặc người đại diện hợp pháp của người khuyết tật làm hồ sơ theo quy gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người đề nghị, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm:

+ Gửi văn bản tham khảo ý kiến cơ sở giáo dục về tình trạng khó khăn trong học tập, sinh hoạt, giao tiếp và kiến nghị về dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật của người được xác định mức độ khuyết tật đang đi học.

+ Triệu tập các thành viên, gửi thông báo về thời gian và địa điểm xác định mức độ khuyết tật cho người khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

Tổ chức đánh giá dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật đối với người khuyết tật, lập hồ sơ, biên bản kết luận dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản kết luận của Hội đồng về dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết, thông báo công khai kết luận của Hội đồng tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp Giấy xác nhận khuyết tật. Trường hợp có khiếu nại, tố cáo hoặc không đồng ý với kết luận của Hội đồng thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, Hội đồng tiến hành xác minh, thẩm tra, kết luận cụ thể và trả lời bằng văn bản cho người khiếu nại, tố cáo.

1.3 Các khó khăn, tồn tại, bất cập

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tham mưu hướng dẫn, tuyên truyền và tổ chức thực hiện xác định mức độ khuyết tật có lúc, có nơi chưa kịp thời, đồng bộ; việc tổ chức xác định mức độ khuyết tật ở một số xã thực hiện chậm so với quy định. Công tác kiểm tra, giám sát ở cơ sở chưa duy trì thường xuyên.

2. Chăm sóc sức khỏe người khuyết tật

2.1 Thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu tại nơi cư trú

Về công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại nơi cư trú luôn được quan tâm nhằm phổ cập các dịch vụ y tế, hướng tới mục tiêu mọi người dân trong đó có người khuyết tật đều được tiếp cận với y tế, các dịch vụ y tế nhằm nâng cao chất lượng sức khỏe cộng đồng.

Can thiệp sớm cho trẻ là yếu tố quyết định đến sự thành công của giáo dục hoà nhập và đã mang lại những tác động hiệu quả nhất đối với sự phát triển của trẻ là giai đoạn từ 0-6 tuổi. giảm thiểu ảnh hưởng của các loại tật tới sự phát triển, giúp trẻ tham gia các hoạt động bình thường từ khi còn nhỏ, ngăn chặn các rủi ro bất thường về phát triển của trẻ.

Đối với các đối tượng khuyết tật, tâm thần điều được lập hồ sơ quản lý, theo dõi đối với trường hợp khuyết tật nhẹ có hồ sơ quản lý tại UBND các xã, thị trấn,

đối với những trường hợp khuyết tật nặng được lập hồ sơ quản lý và chi trả trợ cấp xã hội trên địa bàn. trẻ em khuyết tật được chỉ định phẫu thuật can thiệp phục hồi chức năng được lập hồ sơ quản lý theo dõi khám chữa bệnh theo định kỳ.

2.2 Thực hiện chính sách ưu tiên trong khám chữa bệnh

Cấp 100% thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng đi khám chữa bệnh đối với người khuyết tật thuộc diện chính sách, hộ nghèo đặc biệt khó khăn.

2.3 Phục hồi chức năng cho người khuyết tật

Tình hình tổ chức Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tại địa phương: tư vấn và điều trị cho trẻ em khuyết tật ở các xã, thị trấn. Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện, Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh, Trung tâm II thuộc Hội cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam tổ chức khám sàng lọc cho 600 lượt trẻ em bị khuyết tật, tim bẩm sinh. Hỗ trợ kinh phí phẫu thuật, đi lại cho: 300 trẻ em khuyết tật phẫu thuật miễn phí tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên; 10 trẻ em bị bệnh tim, bệnh hiểm nghèo phải điều trị dài ngày tại Bệnh viện E, Bệnh viện tim Hà Nội, Bệnh viện nhi Trung ương.

Tình hình hỗ trợ, cung cấp công cụ, dụng cụ cho người khuyết tật (xe lăn, xe lắc, máy trợ thính, gậy dò đường): thực hiện chính hình phục hồi chức năng và cấp dụng cụ chính hình miễn phí cho 9 người khuyết tật; cung cấp phương tiện trợ giúp như: chân, tay giả 02, xe lăn, xe đẩy cho 62 người khuyết tật, máy trợ thính 04.

2.4 Khó khăn, tồn tại, bất cập

Trẻ em, người khuyết tật trên địa bàn được quan tâm, rà soát thực hiện cấp phát sử dụng dụng cụ hỗ trợ như xe lăn, xe đẩy nhưng còn hạn chế và bất cập do địa hình, bộ phận lớn trẻ em, người khuyết tật khó tiếp cận và không sử dụng với các dụng cụ hỗ trợ, nhất là trẻ em khuyết tật ở khu vực vùng sâu, vùng xa và nhóm trẻ em ở dạng tật về trí tuệ, tâm thần.

3. Giáo dục đối với người khuyết tật.

3.1. Triển khai các phương thức giáo dục đối với người khuyết tật

Hầu hết trẻ em khuyết tật trong độ tuổi đi học, có khả năng tới trường điều được tạo điều kiện đi học. Hệ thống các trường, lớp bán trú dân nuôi tại xã, trường học dạy lớp ghép, trường có lớp cắm bản, trường dân tộc nội trú, lớp học linh hoạt, lớp học tình thương, ngày càng được hình thành với nhiều hình thức phong phú hơn không chỉ nhằm phát triển giáo dục nói chung mà còn tạo điều kiện cho trẻ em khuyết tật được quan tâm, chăm sóc tốt hơn, hòa nhập với bạn bè và có ý thức tự vươn lên hòa nhập với cộng đồng.

Đối với giáo dục chuyên biệt: trên địa bàn huyện chưa có trường giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật.

3.2 Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người khuyết tật tham gia giáo dục

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật trên địa bàn: ưu tiên nhập học và tuyển sinh, cấp kinh phí; miễn giảm học phí, được cấp miễn phí đồ dùng học tập sách giáo khoa cho 2.140 lượt học sinh khuyết tật. Hệ thống trường, lớp học, thiết bị dạy học đã bước đầu đáp ứng nhu cầu học tập của người khuyết tật. Đặc biệt, tài liệu và thiết bị dạy học đặc thù cho học sinh khuyết tật được ngành giáo dục quan tâm, đáp ứng đầy đủ.

Mặc dù Giáo dục trẻ em khuyết tật trên địa bàn được quan tâm chỉ đạo thực hiện nhưng còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng, vẫn còn bộ phận lớn trẻ em khuyết tật chưa tiếp cận được với giáo dục, nhất là trẻ em khuyết tật ở khu vực vùng sâu, vùng xa và nhóm trẻ em ở dạng khuyết tật về trí tuệ.

Hệ thống các cơ sở giáo dục cho người khuyết tật còn rất thiếu và chất lượng chưa đảm bảo.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ giáo viên chuẩn tối thiểu về năng lực giáo dục trẻ khuyết tật còn thiếu nghiêm trọng.

Nhận thức của người khuyết tật và gia đình có người khuyết tật về giáo dục cho người khuyết tật còn chưa đầy đủ, không nhìn nhận đúng lợi ích của giáo dục đối với người khuyết tật.

4. Dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật

4.1 Về tổ chức dạy nghề cho người khuyết tật

Trên địa bàn huyện hiện nay chưa có cơ sở dạy nghề riêng dành cho người khuyết tật, hệ thống ngành nghề chưa phù hợp, trình độ học vấn thấp, từ đó gây khó khăn trong khả năng tìm kiếm việc làm, tự tạo việc làm của người khuyết tật. Bên cạnh đó, một số người khuyết tật còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự trợ giúp của nhà nước và xã hội chưa có ý thức tự vươn lên giảm bớt khó khăn cho bản thân, gia đình và xã hội. Số lượng người khuyết tật tham gia học nghề và tạo việc làm thấp nên kết quả thực hiện còn rất hạn chế trong giai đoạn 2011 - 2020 được 15 người tham gia học nghề.

4.2 Hỗ trợ việc làm cho người khuyết tật

Mặc dù có chính sách ưu đãi khi người khuyết tật tự tạo việc làm, hộ gia đình tạo việc làm cho người khuyết tật như: hỗ trợ vốn, cấp kinh phí đào tạo, miễn giảm thuế, được vay vốn với lãi suất ưu đãi; các cơ sở dạy nghề khác nhận người khuyết tật vào học nghề, nâng cao trình độ tay nghề được ưu tiên đầu tư, bảo đảm định mức kinh phí đào tạo; người khuyết tật học nghề được xem xét cấp học bổng và trợ cấp xã hội, được miễn hoặc giảm học phí căn cứ mức độ khuyết tật và mức độ suy giảm khả năng lao động.

4.3 Các khó khăn, tồn tại, bất cập về dạy nghề, việc làm đối với người khuyết tật

Nội dung chương trình, ngành nghề đào tạo, hình thức đào tạo chưa hợp lý; chưa có những giáo trình dành riêng cho người khuyết tật; thiếu các thiết bị dạy nghề đối với người khuyết tật.

Nhận thức của bản thân người khuyết tật và gia đình về đào tạo nghề cho người khuyết tật còn chưa đầy đủ; nhu cầu học nghề của người khuyết tật rất thấp.

5. Văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch của người khuyết tật

5.1 Tình hình tiếp cận văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch của người khuyết tật

Thực tế số lượng người khuyết tật chưa tốt nghiệp tiểu học còn chiếm tỷ lệ cao, phần lớn người khuyết tật đều có mức sống thấp do không có thu nhập chưa có môi trường thuận lợi, chưa có điều kiện cho việc giải trí về văn hóa thể dục, thể thao. Vì vậy việc tạo điều kiện cho người khuyết tật tham gia sinh hoạt văn hóa, tập luyện thể dục, thể thao, giải trí và du lịch còn rất hạn chế.

5.2 Các khó khăn, tồn tại, bất cập

Hạ tầng cơ sở thể dục thể thao kể cả sân bãi cho đến các trang thiết bị chuyên dùng cho người khuyết tật chưa có cho người khuyết tật tập luyện.

Các công trình văn hóa như: nhà văn hóa, thư viện... thiết kế chưa phù hợp với người khuyết tật.

Thiếu các sản phẩm, dịch vụ văn hóa dành riêng cho người khuyết tật như trường hợp người khuyết tật nghe, nhìn không thể hoặc rất khó khăn trong việc xem tivi, phim ảnh, báo chí...

6. Công trình công cộng, giao thông, công nghệ thông tin và truyền thông

6.1 Công trình công cộng

Công trình trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; bến xe, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao còn chưa bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật.

Địa hình kết cấu hạ tầng không thiết kế đường lên dành cho xe lăn nên các hoạt động của người khuyết tật khi tiếp cận các công trình công cộng gặp nhiều khó khăn.

Những công trình, dự án đầu tư mới hầu hết chưa đề cập đến công tác phục vụ, thân thiện với người khuyết tật.

6.2 Hoạt động trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông

Các công trình xây dựng, đường xá, phương tiện giao thông hiện nay trên địa bàn huyện chưa thực sự thân thiện với người khuyết tật.

Mục tiêu đảm bảo tiếp cận giao thông của người khuyết tật, huyện chưa đạt được vì việc tham gia giao thông của người khuyết tật còn rất khó khăn, hệ thống hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông còn hạn chế; các công trình hạ tầng giao thông được xây mới, cải tạo hoặc nâng cấp vẫn chưa đảm bảo phù hợp để người khuyết tật tiếp cận.

6.3 Công nghệ thông tin và truyền thông

Căn cứ vào điều kiện thực tế trên địa bàn huyện mạng lưới internet về công nghệ thông tin đa phần số người khuyết tật nghe, nói, nhìn, trí tuệ... lấy thông tin từ nguồn này chủ yếu người thân vì người khuyết tật luôn gặp trở ngại về giao tiếp như không đọc được văn bản, sách vở nếu không được dịch ra ngôn ngữ, ký hiệu vì thế thông tin rất ít. Hiện chưa có hệ thống ngôn ngữ ký hiệu, trang Website của cơ quan nhà nước, các công thông tin điện tử dành riêng cho người khuyết tật.

Mỗi dân tộc vùng miền sử dụng một loại ngôn ngữ khác nhau, người khuyết tật nghe, nói, nhìn trí tuệ vẫn chưa có ngôn ngữ, ký hiệu mà chỉ giao tiếp với nhau qua ngôn ngữ tự phát trong cộng đồng nên việc tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông còn nhiều hạn chế.

7. Bảo trợ xã hội đối với người khuyết tật

7.1 Tình hình triển khai các nội dung

a) Trợ cấp xã hội hàng tháng của người khuyết tật

UBND huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và xã hội quản lý đối tượng trực tiếp theo dõi biến động khi đối tượng có sự thay đổi do điều chỉnh, cắt, chuyển chết, chấm dứt hưởng trợ cấp khi có tờ trình đề nghị của UBND các xã, thị trấn và thực hiện chế độ theo quy định, cấp sổ mới cho đối tượng hưởng trợ cấp xã hội trong tháng và bổ sung sổ mới khi đối tượng hết sổ chi trả trợ cấp xã hội.

Quy trình thủ tục tiếp nhận giải quyết chế độ trợ cấp xã hội trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã, thị trấn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định trợ cấp xã hội cho đối tượng. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng trả lại hồ sơ kèm theo phiếu thẩm định ghi rõ lý do. Từ tháng 8 năm 2016 UBND huyện thực hiện chế độ liên thông một cửa nhận và trả kết quả trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trợ cấp xã hội. UBND huyện đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo cho đối tượng thụ hưởng được kịp thời, đúng mức hưởng theo quy định.

b) Hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng

Thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hỗ trợ kinh phí hàng tháng đối với người nhận chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng. Huyện thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo cho đối tượng thụ hưởng được kịp thời, đúng mức hưởng theo quy định

c) Tình thực hiện chính sách xã hội khác (hỗ trợ mai táng phí..)

Chỉ đạo phòng lao động - TB&XH thực hiện hỗ trợ kinh phí mai táng sau khi đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng chết, không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do cấp xã, thị trấn gửi Phòng Lao động – TB&XH thẩm định, Chủ tịch UBND huyện ra quyết định hỗ trợ kinh phí mai táng, từ tháng 8 năm 2016 việc thực hiện qua cơ chế một cửa của UBND huyện là 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải quyết theo trình tự thủ tục UBND huyện ra quyết định hỗ trợ kinh phí mai táng.

7.2 Các khó khăn, tồn tại, bất cập

Địa bàn rộng, đối tượng không tập trung, mức trợ cấp xã hội thấp đa số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn việc đi lại nhận tiền tại Bưu điện văn hóa xã gặp một số khó khăn nhất định.

Quan tâm chỉ đạo trong việc triển khai thực hiện chính sách BHXH đối với người khuyết tật của cấp ủy đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể một số xã còn hạn chế. Trình độ dân trí không đồng đều ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tuyên truyền.

8. Quản lý thông tin/cơ sở dữ liệu về lĩnh vực người khuyết tật

Phần mềm quản lý riêng cho đối tượng người khuyết tật chưa được hoàn thiện nên việc theo dõi cập nhật các đối tượng tăng, giảm, chuyển, chết. Đối tượng nhiều, mức hưởng trợ cấp xã hội khác nhau khó khăn trong công tác quản lý, theo dõi cập nhật và tổng hợp.

9. Đánh giá chung về việc triển khai thực hiện các quy định của Luật người khuyết tật. Kiến nghị, đề xuất sửa đổi các quy định của Luật người khuyết tật năm 2010

9.1 Đánh giá chung về việc triển khai thực hiện các quy định của Luật người khuyết tật

Công tác chăm sóc người khuyết tật trên địa bàn thường xuyên được các cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện xuống cơ sở quan tâm và chỉ đạo sát sao. Vai trò của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các hội, đoàn thể huyện được phát huy trong công tác tuyên truyền về Luật người khuyết tật, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ và nhân dân được tăng cường, thực hiện liên tục và có hiệu quả

Đã chủ động ban hành các văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn triển khai Luật người khuyết tật, thường xuyên rà soát các đối tượng yếu thế có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn để xây dựng phương án trợ giúp. UBND huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và xã hội phối hợp với các ban ngành, đoàn thể UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai kịp thời, đúng đối tượng các chính sách thường xuyên, một lần, đột xuất tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật sống hoàn nhập với cộng đồng.

Các chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, cho vay ưu đãi, phát triển sinh kế cho người khuyết tật,... đã tác động đến phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo, làm thay đổi nhận thức, giúp hộ gia đình có người khuyết tật có việc làm, tạo thu nhập ổn định để thoát nghèo giảm được khó khăn, cải thiện được chất lượng cuộc sống cho người khuyết tật.

Trong công tác giáo dục, đào tạo chưa có trung tâm, trường chuyên biệt dành cho học sinh khuyết tật. Hầu hết các trường phổ thông chưa bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học cho học sinh khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập. Phần lớn cán bộ quản lý, giáo viên dạy học sinh khuyết tật chưa được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn về giáo dục

hòa nhập đối với học sinh khuyết tật. Số lượng người khuyết tật được dạy nghề đạt thấp.

Người khuyết tật vẫn còn khó tiếp cận với các hoạt động văn hóa, giải trí, thể dục thể thao ở cơ sở. Việc miễn giảm giá vé, giá dịch vụ cho người khuyết tật chưa đồng bộ. Kết quả thực hiện việc đảm bảo tiếp cận giao thông, công trình công cộng chưa đạt lộ trình theo luật định. Số lượng người khuyết tật tiếp cận sử dụng Internet thấp, nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi.

Đời sống của người khuyết tật còn nhiều khó khăn, chưa được tiếp cận hoặc tiếp cận chưa đầy đủ các chính sách ưu đãi của Nhà nước về y tế, giáo dục, dạy nghề, việc làm... Một bộ phận cán bộ và người dân nhận thức chưa đầy đủ về vấn đề người khuyết tật, xem công tác người khuyết tật thuộc trách nhiệm của ngành Lao động –TBXH và trợ giúp người khuyết tật chỉ là hoạt động từ thiện. Thêm vào đó, ở một số nơi, công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Luật Người khuyết tật còn chậm, chưa kịp thời, thiếu sâu sát, vẫn còn tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử với người khuyết tật.

9.2 Kiến nghị, đề xuất cho đề án hỗ trợ người khuyết tật

Bộ Lao động - Thương và xã hội, Tổng cục Dạy nghề về công tác dạy nghề và việc làm, cần có những quy định về ngành nghề cụ thể dành cho người khuyết tật. Cần chặt chẽ hơn trong các quy định về tổ chức dạy nghề cho người khuyết tật như: giáo án phù hợp, chính sách thỏa đáng cho giáo viên dạy văn hóa, dạy nghề phiên dịch cho người khiếm thính.

UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và xã hội và các ban ngành, đoàn thể tỉnh liên quan: Tiếp tục hỗ trợ, khuyến khích tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh ưu tiên tuyển dụng lao động là người khuyết tật có khả năng, nhu cầu được vào làm việc phù hợp với điều kiện sức khỏe của từng người.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Luật người người khuyết tật giai đoạn 2011 - 2020 của UBND huyện Tuần Giáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Lao động - TB&XH;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mùa Va Hồ

MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020
(Kèm theo báo cáo số...../BC-UBND, ngày tháng 5 năm 2021)

Mã	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu
A	CHỈ TIÊU CHUNG	Người	Tổng số
A1	Số lượng người khuyết tật (bao gồm cả người khuyết tật là người thương binh, bệnh binh nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN,v.v...)	Người	2.137
	<i>Chia theo dạng tật</i>		
A1.1	Số người khuyết tật vận động	Người	795
A1.2	Số người khuyết tật nghe và nói	Người	346
A1.3	Số người khuyết tật nhìn	Người	229
A1.4	Số người khuyết tật thần kinh	Người	332
A1.5	Số người khuyết tật trí tuệ	Người	300
A1.6	Số người khuyết tật dạng khuyết tật khác	Người	135
	<i>Chia theo mức độ khuyết tật</i>		
A1.7	Người khuyết tật đặc biệt nặng	Người	257
A1.8	Người khuyết tật nặng	Người	1.364
A1.9	Người khuyết tật nhẹ	Người	516
	<i>Chia theo nhóm đối tượng</i>		
A1.10	Số người khuyết tật <16 tuổi (trẻ em)	Người	647
A1.11	Số người khuyết tật từ 16 - <60 tuổi	Người	1.152
	Số người khuyết tật ≥60 tuổi (người cao tuổi)		338
A1.12	<i>Chia theo khả năng tự phục vụ & khả năng lao động</i>	Người	
A1.13	Số người khuyết tật còn khả năng tự phục vụ	Người	153
A1.14	Số người khuyết tật còn khả năng lao động	Người	162
A1.15	Số người khuyết tật có việc làm	Người	2
A1.16	Số người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận khuyết tật	Người	2.137
A 2	Tổng số hộ có thành viên là người khuyết tật	Hộ	
A2.1	Số hộ có từ 2 người khuyết tật trở lên	Hộ	25
A2.2	Số hộ nghèo có thành viên là người khuyết tật	Hộ	500
A2.3	Số hộ cận có thành viên là người khuyết tật	Hộ	221
A3	Tổng số cơ sở bảo trợ xã hội		
A3.1	Số cơ sở bảo trợ có nuôi dưỡng người khuyết tật		
A4	Chương trình hỗ trợ người khuyết tật đang triển khai tại địa phương giai đoạn 2021 - 2020		
	CẤP HUYỆN		
A4.1	Chương trình dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật	Có/không	
A4.2	Chương trình sàng lọc, can thiệp sớm khuyết tật	Có/không	Có
A4.3	Chương trình CSSK – PHCN cho người khuyết tật	Có/không	Có
A4.4	Chương trình giao thông tiếp cận	Có/không	không
A4.5	Chương trình tiếp cận trụ sở CQ nhà nước, công trình xây dựng	Có/không	Có
A4.6	Chương trình trợ giúp pháp lý	Có/không	Có
A4.7	Chương trình giảm nghèo và bảo trợ xã hội	Có/không	Có
	CẤP XÃ		
A4.8	Chương trình dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật	Có/không	
A4.9	Chương trình sàng lọc, can thiệp sớm khuyết tật	Có/không	Có
A4.10	Chương trình CSSK – PHCN cho người khuyết tật	Có/không	Có
A4.11	Chương trình giao thông tiếp cận	Có/không	không
A4.12	Chương trình tiếp cận trụ sở CQ nhà nước, công trình xây	Có/không	không

	dựng		
A4.13	Chương trình trợ giúp pháp lý	Có/không	Có
A4.14	Chương trình giảm nghèo và bảo trợ xã hội	Có/không	Có
B	CHỈ TIÊU LĨNH VỰC/NGÀNH		
B.1	Dạy nghề, việc làm và bảo trợ xã hội		
B1.1	Số người khuyết tật được học nghề ngắn hạn giai đoạn 2011-2020	Người	15
B1.2	Số người khuyết tật được hỗ trợ kinh phí học nghề giai đoạn 2011-2020	Người	15
B1.3	Số người khuyết tật có việc làm mới	Người	01
B1.4	Số người khuyết tật được vay vốn giải quyết việc làm giai đoạn 2011-2020	Người	
B1.5	Số người khuyết tật được TCXH hàng tháng tại cộng đồng	Người	1.621
B1.6	Số người khuyết tật được nuôi dưỡng tại các cơ sở BTXH	Người	
B1.7	Số người (hộ) được cấp chăm sóc người khuyết tật	Người	93
B1.8	Số người khuyết tật được cấp thẻ BHYT tại thời điểm tháng 31/12/2020.	Người	2.137
B1.9	Số trẻ em khuyết tật được hỗ trợ tham gia giáo dục	Người	516
B1.10	Ngân sách chi cho chương trình/đề án/dự án hỗ trợ người khuyết tật của ngành y tế giai đoạn 2011-2020(ước tính)	1000 đ	
B2	Y tế - Chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng		
B2.1	Số trẻ em sơ sinh đến 6 tuổi được khám sàng lọc khuyết tật giai đoạn 2011-2020	Trẻ em	600
B2.2	Số trẻ em khuyết tật được can thiệp sớm khuyết tật bằng biện pháp y học giai đoạn 2011-2020	Trẻ em	300
B2.3	Số người khuyết tật được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe	Người	
B2.4	Số trạm y tế xã có phân công cán bộ y tế phụ trách công tác PHCN	Trạm	
B2.5	Tổng số người khuyết tật được cung cấp các dụng cụ hỗ trợ giai đoạn 2016-2020	Người	79
B2.6	Ngân sách chi cho chương trình/đề án/dự án hỗ trợ người khuyết tật của ngành y tế giai đoạn 2011-2020(ước tính)	1000 đ	
B3	Giáo dục - Đào Tạo		
B3.1	Số cơ sở giáo dục chuyên biệt	Cơ sở	0
B3.2	Số trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	T.Tâm	0
B3.3	Số cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức giáo dục hòa nhập	Cơ sở	49
B3.3.1	Số giáo viên tham gia dạy trẻ em khuyết tật theo phương thức hòa nhập trong các cơ sở giáo dục phổ thông	Người	469
B3.4	Số trẻ em khuyết tật đi nhà trẻ, maaux giáo, mầm non	Trẻ em	47
B3.5	Số trẻ em khuyết tật học tiểu học	Trẻ em	274
B3.6	Số trẻ em khuyết tật học trung học cơ sở	Trẻ em	195
B3.7	Số trẻ em khuyết tật học trung học phổ thông	Trẻ em	
B3.8	Số trẻ em khuyết tật đang học trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt	Trẻ em	
B4	Tiếp cận nhà ở, trụ sở cơ quan nhà nước, công trình xây dựng		
B4.1	Tỷ lệ công sở hành chính nhà nước đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	%	
B4.2	Tỷ lệ công trình TĐTT đảm bảo tiếp cận	%	
B4.3	Tỷ lệ công trình văn hóa đảm bảo tiếp cận	%	

B4.4	Tỷ lệ công trình Y tế đảm bảo tiếp cận	%	
B4.5	Tỷ lệ nhà ga, bến xe bảo tiếp cận	%	
B4.6	Tỷ lệ công trình dịch vụ (Bưu điện, ngân hàng, siêu thị) đảm bảo tiếp	%	
B4.7	Tỷ lệ nhà chung cư đảm bảo tiếp cận	%	
B4.8	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận nhà ở, công trình xây dựng của ngành xây dựng giai đoạn 2011-2020 <i>(ước tính)</i>	1000 đ	
B5	Giao thông tiếp cận		
B5.1	Tỷ lệ xe buýt đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	%	
B5.2	Tỷ lệ nhà chờ bến xe, bến tàu đảm bảo tiếp cận	%	
B5.3	Tỷ lệ công trình cảng hàng không đảm bảo tiếp cận	%	
B5.4	Số người khuyết tật được cấp thẻ đi xe bus miễn phí	Người	
B5.5	Số lượt người khuyết tật được giảm giá vé khi tham gia giao thông đường sắt	Người	
B5.6	Số lượt người khuyết tật được giảm giá vé khi tham gia giao thông hàng không	Người	
B5.7	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận giao thông của ngành Giao thông vận tải giai đoạn 2011-2020 <i>(ước tính)</i>	1000đ	
B6	Công nghệ thông tin - truyền thông		
B6.1	Số trang thông tin điện tử đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	Trang ĐT	
B6.2	Số lần phát thanh chuyên mục người khuyết tật hàng tháng (bao gồm cả tiếp sóng TW)	Lần/tháng	
B6.3	Số lần phát sóng tuyên hình chuyên mục người khuyết tật hàng tháng(bao gồm cả tiếp sóng TW)	Lần/tháng	
B6.4	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin – truyền thông của ngành Thông tin – truyền thông giai đoạn 2011-2020 <i>(ước tính)</i>	1000đ	
B7	Văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và du lịch		
B7.1	Số câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ của người khuyết tật	CLB	
B7.2	Số người khuyết tật tham gia câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ	Người	
B7.3	Số câu lạc bộ thể dục, thể thao của người khuyết tật	CLB	
B7.4	Số người khuyết tật tham gia câu lạc bộ thể dục – thể thao	Người	
B7.5	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật của ngành Văn hóa, Thể thao & Du lịch giai đoạn 2011-2020 <i>(ước tính)</i>	1000đ	
B8	Nội vụ - phát triển tổ chức của/vì người khuyết tật		
B8.1	Số tổ chức hội của người khuyết tật	Tổ chức	
B8.2	Tổng số hội viên	Người	
B8.3	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ phát triển tổ chức của/vì người khuyết tật giai đoạn 2011-2020 <i>(ước tính)</i>		